

UBND XÃ QUANG KHẢI

DANH SÁCH TRẺ EM, NGƯỜI KHUYẾT TẬT, NGƯỜI CAO TUỔI THUỘC ĐIỆN F1 ĐƯỢC HỖ TRỢ
(Theo Thông báo số 21/TB-UBND ngày 28/4/2022 của UBND xã Quang Khải)



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (1.000.000đồng g/người)	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tô Thanh Tùng	2017		Tân Quang - Quang Khải	12/11/2021	1.000.000	
2	Nguyễn Vũ Hải Minh	2018		Nhữ Tinh - Quang Khải	21/11/2021	1.000.000	
3	Đào Đăng Khoa	2019		Vũ Xá - Quang Khải	24/12/2021	1.000.000	
4	Nguyễn Anh Thư	2017		Vũ Xá - Quang Khải	24/12/2021	1.000.000	
	Tổng					4.000.000	

Tổng cộng: số người hỗ trợ: 04 người Số tiền 4.000.000 đồng; Bằng chữ: Bốn triệu đồng chẵn/

UBND XÃ QUANG KHAI

DANH SÁCH HỒ TRỢ CÁC ĐỐI TƯỢNG LÃI MÃI CÁCH LY Y TẾ TẬP TRUNG

(Theo Thông báo số: /TB-UBND ngày 28/4/2022 của UBND xã Quang Khai)



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000 đồng/ngày)	Thành tiền
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Vũ Hải Minh	08/11/2018		Nhũ Tinh - Quang Khai	21/11/2021	27/11/2021	7	80.000	560.000
2	Nguyễn Quốc Trung	29/04/1984		Nhũ Tinh - Quang Khai	21/11/2021	27/11/2021	7	80.000	560.000
3	Vũ Thị Chuyên		14/02/1988	Nhũ Tinh - Quang Khai	21/11/2021	27/11/2021	7	80.000	560.000
4	Tô Xuân Chiến	1993		Tân Quang - Quang Khai	12/11/2021	25/11/2021	14	80.000	1.120.000
5	Bùi Thị Hoài		1995	Tân Quang - Quang Khai	12/11/2021	25/11/2021	14	80.000	1.120.000
6	Tô Yến Nhi		2014	Tân Quang - Quang Khai	12/11/2021	25/11/2021	14	80.000	1.120.000
7	Tô Thanh Tùng	2017		Tân Quang - Quang Khai	12/11/2021	25/11/2021	14	80.000	1.120.000
8	Nguyễn Thị Nga		20/08/1995	Tân Quang - Quang Khai	10/11/2021	23/11/2021	9	80.000	720.000
9	Nguyễn Xuân Chiến	1988		Nhũ Tinh - Quang Khai	29/11/2021	12/12/2021	14	80.000	1.120.000
10	Nguyễn Đức Quyển	1982		Nhũ Tinh - Quang Khai	24/11/2021	07/12/2021	12	80.000	960.000
11	Vũ Đức Chiến	1983		Tân Quang - Quang Khai	28/11/2021	11/12/2021	14	80.000	1.120.000
12	Nguyễn Thị Hằng		1970	Nhũ Tinh - Quang Khai	04/12/2021	17/12/2021	13	80.000	1.040.000
13	Nguyễn Văn Hiếu	14/01/1992		Nhũ Tinh - Quang Khai	08/12/2021	15/12/2021	13	80.000	1.040.000
14	Đào Hải Ninh	13/10/1991		Vũ Xá - Quang Khai	08/12/2021	15/12/2021	7	80.000	560.000
15	Vũ Văn Phương	1971		Nhũ Tinh - Quang Khai	07/12/2021	20/12/2021	14	80.000	1.120.000
16	Vũ Thị Thuyết		1973	Nhũ Tinh - Quang Khai	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
17	Vũ Ngọc Hạnh	1998		Nhũ Tinh - Quang Khai	07/12/2022	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
18	Nguyễn Thị Huyền		1988	Nhũ Tinh - Quang Khai	04/12/021	17/12/2021	10	80.000	800.000



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000 đồng/ngày)	Thành tiền
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	Nguyễn Mạnh Quân	2003		Nhũ Tinh - Quang Khái	3/12/2021	16/12/2021	9	80.000	720.000
20	Vũ Tiến Đại	2006		Nhũ Tinh - Quang Khái	3/12/2021	16/12/2021	9	80.000	720.000
21	Nguyễn Thị Thoa		03/10/1986	Nhũ Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
22	Nguyễn Quang Hanh	2003		Nhũ Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
23	Vũ Quang Đạt	2003		Tân Quang - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
24	Vũ Thị Nụ		27/1/1981	Nhũ Tinh - Quang Khái	04/12/2021	17/12/2021	10	80.000	800.000
25	Vũ Văn Hưng	06/09/1960		Nhũ Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
26	Nguyễn Thanh Lộc	23/4/1999		Vũ Xá - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
27	Vũ Đức Thành	19/11/2003		Vũ Xá - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
28	Nguyễn Văn Hưng	10/12/2003		Nhũ Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	14	80.000	1.120.000
29	Vũ Xuân Tiến	1999		Nhũ Tinh - Quang Khái	05/12/2021	18/12/2021	11	80.000	880.000
30	Nguyễn Nam Dương	06/11/2006		Nhũ Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
31	Vũ Tiến Dũng	2003		Nhũ Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
32	Nguyễn Quyền Linh	22/08/2003		Nhũ Tinh - Quang Khái	03/12/2021	16/12/2021	9	80.000	720.000
33	Nguyễn Văn Duy	22/11/2008		Nhũ Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
34	Vũ Văn Thù	1940		Nhũ Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
35	Đoàn Thị Nụ	1977		Nhũ Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
36	Vũ Thị Hà My		1986	Nhũ Tinh - Quang Khái	03/12/2021	16/12/2021	9	80.000	720.000
37	Nguyễn Thị Thóa		1969	Vũ Xá - Quang Khái	30/11/2021	14/12/2021	7	80.000	560.000
38	Nguyễn Xuân Dương	2003		Nhũ Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều treatment, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000 đồng/ngày)	Thành tiền
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
39	Lê Thị Tiến		1950	Như Tinh - Quang Khái	07/12/2021	20/12/2021	13	80.000	1.040.000
40	Nguyễn Văn Tuấn	15/07/1965		Như Tinh - Quang Khái	02/12/2021	15/12/2021	10	80.000	800.000
41	Nguyễn Thị Tài		25/12/1969	Vũ Xá - Quang Khái	29/11/2021	12/12/2021	5	80.000	400.000
42	Nguyễn Văn Ngải	1964		Vũ Xá - Quang Khái	03/12/2021	16/12/2021	14	80.000	1.120.000
43	Nguyễn Đức Thế	19/09/2001		Như Tinh - Quang Khái	10/12/2021	23/12/2021	14	80.000	1.120.000
44	Vũ Việt Đức	02/12/2000		Như Tinh - Quang Khái	08/12/2021	21/12/2021	8	80.000	640.000
45	Đào Dương Ly		15/08/1981	Như Tinh - Quang Khái	12/12/2021	25/12/2021	14	80.000	1.120.000
46	Nguyễn Thị Phụng		1960	Như Tinh - Quang Khái	11/12/2021	24/12/2021	10	80.000	800.000
47	Nguyễn Thị Nhài		1984	Tân Quang - Quang Khái	06/12/2021	19/12/2021	13	80.000	1.040.000
48	Vũ Thị Loan		26/11/1977	Như Tinh - Quang Khái	03/12/2021	16/12/2021	12	80.000	960.000
49	Nguyễn Mạnh Hương	26/07/1997		Như Tinh - Quang Khái	23/11/2021	13/12/2021	7	80.000	560.000
50	Vũ Thị Xây		01/01/1953	Tân Quang - Quang Khái	02/12/2021	15/12/2021	12	80.000	960.000
51	Nguyễn Thị Nhuận		19/09/1982	Như Tinh - Quang Khái	02/12/2021	15/12/2021	12	80.000	960.000
52	Hoàng Đình Tuy	1984		Tân Quang - Quang Khái	06/12/2021	19/12/2021	13	80.000	1.040.000
53	Bùi Thị Diệu		18/01/1976	Tân Quang - Quang Khái	02/12/2021	15/12/2021	13	80.000	1.040.000
54	Vũ Thị Thủy		1984	Như Tinh - Quang Khái	03/12/2021	16/12/2021	9	80.000	720.000
55	Bùi Thị Tuyết	21/12/1985		Vũ Xá, Quang Khái	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
56	Đào Đăng Khoa	1/1/2019		Vũ Xá, Quang Khái	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
57	Đào Gia Bảo	1/1/2015		Vũ Xá, Quang Khái	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
58	Đào Thị Hiền		1/1/1976	Vũ Xá, Quang Khái	27/12/2021	02/01/2022	5	80.000	400.000

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000 đồng/ngày)	Thành tiền
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
59	Đào Thị Thêu		7/7/1985	Vũ Xá, Quang Khải	25/12/2021	31/12/2021	7	80.000	560.000
60	Đỗ Thị Lệ		1/1/1995	Nhũ Tinh, Quang Khải	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
61	Hoàng Thị Tươi		1/1/1992	Vũ Xá, Quang Khải	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
62	Lê Thị Tiếp		1/1/1973	Nhũ Tinh, Quang Khải	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
63	Nông Thị Linh		1/1/1992	Tân Quang, Quang Khải	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
64	Nguyễn Anh Thư		1/1/2017	Vũ Xá, Quang Khải	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
65	Nguyễn Đức Tâm	9/9/1969		Tân Quang, Quang Khải	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
66	Nguyễn Hồng Quang	1/1/1962		Vũ Xá, Quang Khải	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
67	Nguyễn Mạnh Hùng	1/1/2001		Nhũ Tinh, Quang Khải	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
68	Nguyễn Mạnh Hùng	1/1/1998		Nhũ Tinh, Quang Khải	12/12/2021	28/12/2021	3	80.000	240.000
69	Nguyễn Minh Chiến	1/1/2005		Nhũ Tinh, Quang Khải	25/12/2021	07/01/2022	7	80.000	560.000
70	Nguyễn Minh Khôi	1/1/2014		Vũ Xá, Quang Khải	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
71	Nguyễn Tuấn Nam	1/1/2012		Tân Quang, Quang Khải	25/12/2021	07/01/2022	7	80.000	560.000
72	Nguyễn Thị Dung		1/1/1987	Tân Quang, Quang Khải	27/12/2021	02/01/2022	2	80.000	160.000
73	Nguyễn Thị Hằng		1/1/1984	Vũ Xá, Quang Khải	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
74	Nguyễn Thị Hiền		1/1/1981	Tân Quang, Quang Khải	28/12/2021	03/01/2021	4	80.000	320.000
75	Nguyễn Thị Huệ		1/1/1983	Nhũ Tinh, Quang Khải	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
76	Nguyễn Thị Huyền		1/1/1980	Nhũ Tinh, Quang Khải	27/12/2021	02/01/2022	5	80.000	400.000
77	Nguyễn Thị Khang		1/1/1952	Tân Quang, Quang Khải	21/12/2021	27/12/2021	3	80.000	240.000

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000 đồng/ngày)	Thành tiền
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
78	Nguyễn Thị Loan		1/1/1987	Như Tinh, Quang Khai	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
79	Nguyễn Thị Minh Ngọc		1/1/1998	Như Tinh, Quang Khai	27/12/2021	02/01/2022	5	80.000	400.000
80	Nguyễn Thị Oanh	1/1/1998		Như Tinh, Quang Khai	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
81	Nguyễn Thị Tám		1/1/1971	Như Tinh, Quang Khai	22/12/2021	28/12/2021	6	80.000	480.000
82	Nguyễn Thị Toan		1/1/1999	Tân Quang, Quang Khai	26/12/2021	08/01/2021	4	80.000	320.000
83	Nguyễn Thùy Dương		1/1/1981	Như Tinh, Quang Khai	23/12/2021	29/12/2021	6	80.000	480.000
84	Nguyễn Văn Dương	1/1/1996		Như Tinh, Quang Khai	26/12/2021	01/01/2022	6	80.000	480.000
85	Nguyễn Văn Khánh	1/1/1989		Vũ Xá, Quang Khai	23/12/2021	29/12/2021	5	80.000	400.000
86	Nguyễn Văn Phúc	1/1/1978		vũ xá, Quang Khai	23/12/2021	29/12/2021	5	80.000	400.000
87	Vũ Văn Quyết	1/1/2007		Vũ Xá, Quang Khai	24/12/2021	30/12/2021	7	80.000	560.000
88	Nguyễn Văn Quyết	1/1/1992		Vũ Xá, Quang Khai	24/12/2021	30/12/2021	7	80.000	560.000
89	Nguyễn Văn Tuệ	1/1/1974		Như Tinh, Quang Khai	22/12/2021	28/12/2021	6	80.000	480.000
90	Nguyễn Văn Thăng	1/1/2001		Như Tinh, Quang Khai	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
91	Phạm Thị Anh		1/1/1986	Vũ Xá, Quang Khai	23/12/2021	29/12/2021	6	80.000	480.000
92	Phạm Thị Hà		1/1/1974	Tân Quang, Quang Khai	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
93	Phạm Thị Hiền		01/01/2001	Vũ Xá, Quang Khai	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
94	Phạm Thị Lũng		1/1/1975	Tân Quang, Quang Khai	12/12/2021	04/01/2021	5	80.000	400.000
95	Phạm Thị Thắm		1/1/1964	Vũ Xá, Quang Khai	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
96	Trần Thị Phương Thảo		1/1/1996	Tân Quang, Quang Khai	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000 đồng/ngày)	Thành tiền
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
97	Vũ Ngọc Chiến	1/1/1991		Tân Quang, Quang Khái	23/12/2021	29/12/2021	3	80.000	240.000
98	Vũ Nguyễn Xuân Dương	1/1/2003		Nhũ Tinh, Quang Khái	05/12/2021	18/12/2021	11	80.000	880.000
99	Vũ Phương Anh		1/1/2013	Nhũ Tinh, Quang Khái	27/12/2021	09/01/2022	5	80.000	400.000
100	Vũ Tiến Dũng	27/07/2006		Tân Quang, Quang Khái	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
101	Vũ Thế Hòa	1/1/1975		Nhũ Tinh, Quang Khái	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
102	Vũ Thị Bảy		1/1/1970	Vũ Xá, Quang Khái	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
103	Vũ Thị Hải Yến		1/1/1990	Vũ Xá, Quang Khái	23/12/2021	29/12/2021	5	80.000	400.000
104	Vũ Thị Hồng		1/1/1969	Vũ Xá, Quang Khái	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
105	Vũ Thị Hy		27/7/1971	Tân Quang, Quang Khái	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
106	Vũ Thị Mai		1/1/1987	Nhũ Tinh, Quang Khái	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
107	Vũ Thị Nguyễn		1/1/1990	Tân Quang, Quang Khái	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
108	Vũ Thị Nhân		1/1/1980	Tân Quang, Quang Khái	23/12/2021	29/12/2021	5	80.000	400.000
109	Vũ Thị Nhuận		1/1/1955	Vũ Xá, Quang Khái	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
110	Vũ Thị Phương Ảnh		1/1/2004	Vũ Xá, Quang Khái	25/12/2021	07/01/2022	7	80.000	560.000
111	Vũ Thị Sợi		1/1/1972	Tân Quang, Quang Khái	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
112	Vũ Thị Suốt		1/1/1970	Tân Quang, Quang Khái	23/12/2021	29/12/2021	5	80.000	400.000
113	Vũ Thị Tuyền		1/1/1972	Tân Quang, Quang Khái	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
114	Vũ Thị Thu		1/1/1970	Vũ Xá, Quang Khái	23/12/2021	29/12/2021	5	80.000	400.000
115	Vũ Thị Thúy Quỳnh		1995	Tân Quang, Quang Khái	23/12/2021	29/12/2021	5	80.000	400.000

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000 đồng/ngày)	Thành tiền
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
116	Vũ Thị Yến Nhi		01/01/2012	Tân Quang, Quang Khái	21/12/2021	03/01/2022	7	80.000	560.000
117	Vũ Văn Hoạch	1/1/1979		Vũ Xã, Quang Khái	23/12/2021	29/12/2021	5	80.000	400.000
118	Vũ Văn Nhuệ	1/1/1964		Vũ Xã, Quang Khái	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
119	Vũ Văn Quyết	1/1/2007		Nhũ Tinh, Quang Khái	24/12/2021	06/01/2022	7	80.000	560.000
120	Vũ Văn Việt	1/1/1976		Nhũ Tinh, Quang Khái	27/12/2021	09/01/2022	5	80.000	400.000
121	Vũ Văn Vinh	1/1/1952		Tân Quang, Quang Khái	24/12/2021	30/12/2021	6	80.000	480.000
122	Nguyễn Thị Huyền Trang		01/01/1999	Tân Quang, Quang Khái	20/12/2021	26/12/2021	2	80.000	160.000
	Tổng						622		81.600.000

Tổng cộng: số người hỗ trợ: 122; Số tiền 81.600.000 đồng; Bằng chữ: Tám mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng/